TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHO QUAN** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:12/2024/DS-ST
Ngày: 06/9/2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lâm Thị Thanh Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Quang Văn

Ông Nguyễn Văn Phiếu

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Bình Thư ký Toà án nhân dân huyện Nho Quan

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia phiên tòa*: Bà Đinh Thị Ngần- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2024/TLST- DS ngày 11 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXX-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/QĐST-DS ngày 21/8/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q; Trụ sở: Tầng A(tầng trệt) và tầng 2, tòa nhà S- số A P, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: ÔngTrần Thành Công– Chức vụ: Giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ; Địa chỉ: Tầng D, Tòa nhà C, số D T, quận Đ, thành phố Hà Nội và ông Hoàng Đình H– Chức vụ: Giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ V1- Vùng Tây hà N kiêm giám đốc trực tiếp và XLN Vùng - Vùng B. Đơn vị: mạng lưới chi nhánh- Khối Ngân hàng Bán lẻ

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Hoàng Đình H: Bà Trần Thùy P; Bà Trần Thị Trà M; bà Đỗ Thị Thanh T - Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q; Địa chỉ: Tầng D, Tòa nhà C, số D T, quận Đ, thành phố Hà Nội.

- ***Bị đơn:*** Bà Phạm Thị H1; sinh năm: 1976; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: bà Trà M1(Có mặt), bà H1 (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP Q (gọi tắt V2) và bà Phạm Thị H1 đã ký các hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 3481280.22 ngày 23/02/2022 và khế ước nhận nợ

- Cho vay: 600.000.000 đồng;

- Mục đích vay: vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh buôn bán đồ thực phẩm đông lạnh

- Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 25/02/2022 đến 24/02/2023;

- Lãi suất vay tại thời điểm giải ngân: 8,7% /năm và lãi suất này ưu đãi trong 06 tháng đầu kể từ ngày giải ngân hết thời hạn ưu đãi, lãi suất được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,9%/ năm

+ Hợp đồng tín dụng số 3012176.22 ngày 25/5/2022 và khế ước nhận nợ

- Cho vay: 419.000.000 đồng;

- Mục đích vay: Cho vay thanh toán tiền mua xe ô tô, mục đích tiêu dùng

- Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày 27/5/2022 đến 26/05/2027;

- Lãi suất vay tại thời điểm giải ngân: 9,9% / năm và lãi xuất này ưu đãi trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân hết thời hạn ưu đãi, lãi suất được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 4,1%/ năm.

Ngày 25/5/2022 chị Phạm Thị H1 có đơn đề nghị phát hành thẻ cụ thể: chủ tài khoản: Phạm Thị H1; Số tài khoản thẻ C 000000000066207 Hạn mức: 39.753.358 đồng.

- Dư nợ tính đến ngày 05/7/2024 là**: 1.275.441.018 đồng**, bao gồm:

* Đối với Hợp đồng tín dụng số 3481280.22 ngày 23/02/2022 tổng số tiền nợ trong hợp đồng: 759.756.422 đồng

+Nợ gốc là: 593.058.704 đồng;

+Nợ lãi trong hạn là: 5.983.562đồng; Lãi quá hạn là 160.714.156 đồng

* Đối với Hợp đồng tín dụng số 3012176.22 ngày 25/05/2022 tổng số tiền nợ trong hợp đồng: 418.879.781 đồng

+Nợ gốc là: 324.614.276 đồng;

+Nợ lãi trong hạn là: 14.741.136đồng; Lãi quá hạn là 79.524.369 đồng

* Đối với đề nghị phát hành thẻ ngày 25/05/2022 tổng số tiền nợ trong đề nghị phát hành thẻ: 96.804.815 đồng

+Nợ gốc là: 33.455.705 đồng;

+Nợ lãi trong hạn là: 19.357.490 đồng; Nợ phí là 43.991.620 đồng

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, chị Phạm Thị H1 đã trả nợ cho V2 tổng số tiền 186,281,094 đồng trong đó gốc là 101.327.020 đồng; nợ lãi trong hạn: 84.797.660 đồng; lãi quá hạn 156.414 đồng. Tuy nhiên sau đó chị Phạm Thị H1 đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết với V2, vi phạm các nôi dụng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp nên khoản vay trên đã bị chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 05/01/2023.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, VIB và các bên bảo đảm đã ký các Hợp đồng thế chấp sau: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 113/2022, quyển số 10/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/02/2022 và văn bản cam kết ngày 24/02/2022 giữa V2 và chị Phạm Thị H1 để thế chấp tài sản là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 451, tờ bản đồ số 26, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ 431438, Số vào sổ cấp GCN: CS 00121/CĐ/TB do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp ngày 31/12/2021 đứng tên chị Phạm Thị H1.

VIB và các bên bảo đảm đã hoàn thiện thủ tục thế chấp tài sản tại Phòng C tỉnh Ninh Bình và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện N, tỉnh Ninh Bình ngày 23/02/2022.

Trong quá trình vay vốn, khoản vay của chị Phạm Thị H1 phát sinh nợ quá hạn, V2 đã nhiều lần làm việc với khách hàng yêu cầu khách hàng trả nợ vay và phối hợp cùng VIB tự xử lý tài sản đảm bảo… Tuy nhiên, khách hàng không trả nợ, vi phạm các cam kết trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng đã ký.

Yêu cầu khởi kiện và phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ: Nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cũng như đảm bảo việc thu hồi vốn phục vụ hoạt động kinh doanh, V2 khởi kiện chị Phạm Thị H1 ra Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Kính đề nghị Quý Toà xem xét giải quyết:

- Buộc chị Phạm Thị H1 phải trả cho VIB tổng số tiền tính đến ngày 05/7/2024 là**: 1.275.441.018 đồng**, bao gồm:

+Nợ gốc là: 951.128.685 đồng;

+Nợ lãi là: 324.312.333 đồng; Trong đó lãi trong hạn là: 40.082.188đồng. Lãi quá hạn là 284.230.145đồng

- Buộc chị Phạm Thị H1 phải trả cho VIB số nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 06/7/2024 theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại các Hợp đồng tín dụng cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 3481280.22 ngày 23/02/2022; Hợp đồng tín dụng số 3012176.22 ngày 25/05/2022; đề nghị phát hành thẻ ngày 25/05/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ vay cho V2.

Trong trường hợp chị Phạm Thị H1 không trả được nợ, VIB có quyền phát mại, xử lý tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản để thu hồi nợ đối với tài sản bảo đảm là: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 113/2022, quyển số 10//TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Ninh Bình công chứng ngày 23/02/2022 và văn bản cam kết ngày 24/02/2022 giữa V2 và chị Phạm Thị H1 để thế chấp tài sản.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán khoản nợ của chị Phạm Thị H1 tại V2. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì chị Phạm Thị H1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho VIB.

Tại phiên tòa: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

- Buộc chị Phạm Thị H1 phải trả cho VIB tổng số tiền tính đến ngày 05/9/2024 là**: 1.315.318.535 đồng**, bao gồm:

+Nợ gốc là: 951.128.685 đồng;

+Nợ lãi trong hạn là: 42.267.809đồng. Lãi quá hạn là 273.770.421đồng và nợ phí: 48.151.620 đồng

- Buộc chị Phạm Thị H1 phải trả cho VIB số nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 06/9/2024 theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại các Hợp đồng tín dụng cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 3481280.22 ngày 23/02/2022; Hợp đồng tín dụng số 3012176.22 ngày 25/05/2022; đề nghị phát hành thẻ ngày 25/05/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ vay cho V2.

Trong trường hợp chị Phạm Thị H1 không trả được nợ, VIB có quyền phát mại, xử lý tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản để thu hồi nợ đối với tài sản bảo đảm là: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 113/2022, quyển số 10//TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Ninh Bình công chứng ngày 23/02/2022 và văn bản cam kết ngày 24/02/2022 giữa V2 và chị Phạm Thị H1 để thế chấp tài sản

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán khoản nợ của chị Phạm Thị H1 tại V2. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì chị Phạm Thị H1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho VIB.

Bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, trong quá trình giải quyết bị đơn chị Phạm Thị H1 đã trình bày:

Chị Phạm Thị H1 có ký kết các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 3481280.22 ngày 23/02/2022 tôi có vay: 600.000.000 đồng; Mục đích vay: kinh doanh buôn bán đồ thực phẩm đông lạnh; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất vay tại thời điểm giải ngân:8,7% / năm

+ Hợp đồng tín dụng số 3012176.22 ngày 25/5/2022; tôi có vay: 419.000.000 đồng; Mục đích vay: mua xe ô tô, mục đích tiêu dùng; Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày 27/5/2022 đến 26/05/2027; Lãi suất vay tại thời điểm giải ngân:9,9% / năm. Cùng ngày 25/5/2022 chị Phạm Thị H1 có đơn đề nghị phát hành thẻ cụ thể: chủ tài khoản: Phạm Thị H1; Số tài khoản thẻ tín dụng. Hạn mức: 39.753.358 đồng.

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, tôi đã trả nợ cho V2 tổng số tiền 186,281,094 đồng trong đó gốc là 101.327.020 đồng; nợ lãi trong hạn: 84.797.660 đồng; lãi quá hạn 156.414 đồng. Tuy nhiên sau đó tôi đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết với V2, vi phạm các nôi dụng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp nên khoản vay trên đã bị chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 05/01/2023.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, tôi đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thế chấp tài sản là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 451, tờ bản đồ số 26, địa chỉ:Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ 431438, Số vào sổ cấp GCN: CS 00121/CĐ/ TB do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp ngày 31/12/2021 đứng tên chị Phạm Thị H1.

Hiện nay, vì hoàn cảnh khó khăn nên tôi chưa có điều kiện để thực hiện ngay toàn bộ nghĩa vụ trả nợ, tôi đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để thỏa thuận cho tôi trả nợ dần trong vòng 03 năm và Ngân hàng hỗ trợ về lãi suất.

Chị Phạm Thị H1 không có yêu cầu phản tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm đồng xét xử, Thư ký phiên

tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã tuân thủ, thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 điều 26, điểm Điều 35, Điều 39, điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các Điều 299, 303, 319, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015

Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q đối với bà Phạm Thị H1 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

Buộc bà Phạm Thị H1 phải trả cho VIB tổng số tiền tính đến ngày 05/9/2024 là**: 1.315.318.535 đồng** theo các hợp đồng và phát hành thẻ, cụ thể

+ Buộc bà Phạm Thị H1 phải thanh toán trả toàn bộ số tiền còn nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 05/9/2024 đối với Hợp đồng tín dụng số 3481280.22 ngày 23/02/2022 là **779.804.330 đồng**, bao gồm:Nợ gốc là: 593.058.704 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 5.983.562 đồng. Lãi quá hạn 180.762.064 đồng **;**

+ Buộc bà Phạm Thị H1 phải thanh toán trả toàn bộ số tiền còn nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 05/9/2024 đối với Hợp đồng tín dụng số 3012176.22 ngày 25/5/2022 là **432.363.769 đồng**, bao gồm:Nợ gốc là: 324.614.276 đồng;Nợ lãi trong hạn là: 14.741.136 đồng. Lãi quá hạn 93.008.357 đồng;

+ Buộc bà Phạm Thị H1 phải thanh toán trả toàn bộ số tiền còn nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 05/9/2024 đối với Hợp đồng mở thẻ tín dụng ngày 25/5/2022 là **103.150.436 đồng**, bao gồm:Nợ gốc là: 33.455.705 đồng;Nợ lãi trong hạn là: 21.543.111 đồng; Nợ phí: 48.151.620 đồng;

2. Bà Phạm Thị H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã kí kết với Ngân hàng kể từ ngày 06/9/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

3. Trong trường hợp bà Phạm Thị H1 không trả hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả nợ thì Ngân hàng V2 có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất diện tích 337,1m^2 trong đó có 100m^2 đất ở và 237,1m^2 đất vườn và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 451, tờ bản đồ số 26, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ 431438, Số vào sổ cấp GCN:

CS 00121/CĐ/ TB do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp ngày 31/12/2021 đứng tên bà Phạm Thị H1.

Trong trường hợp số tiền phát mại, thu hồi tài sản đảm bảo vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì bà Phạm Thị H1 còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền còn thiếu cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa ngày 21/8/2024, đại diện Ngân hàng TMCP Q (viết tắt V2) có mặt; bà Phạm Thị H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, 233 và 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 08 giờ 00 phút, ngày 06 tháng 9 năm 2024.

Tại phiên tòa ngày 06/9/2024, đại diện Ngân hàng TMCP Q có mặt; bà Phạm Thị H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt, bị đơn .

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng TMCP Q với bà Phạm Thị H1. Trong vụ án này bà Phạm thị H2 không có đăng ký kinh doanh, vay tiền nhằm mục đích vốn lưu động kinh doanh buôn bán đồ thực phẩm đông lạnh và tiêu dùng và tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thì bà Phạm Thị H1 có nơi cư trú tại: xã T, huyện N tỉnh Ninh Bình. Do đó căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án dân sự "Tranh chấp hợp đồng tín dụng " , thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc và nợ lãi của nguyên đơn: VIB yêu cầu bà Phạm Thị H1 thanh toán số tiền còn nợ VIB là **1.315.318.535 đồng**, bao gồm:

+Nợ gốc là: 951.128.685 đồng;

+Nợ lãi trong hạn là: 42.267.809đồng. Lãi quá hạn là 273.770.421đồng và nợ phí: 48.151.620 đồng

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, có đủ căn cứ để xác định:

Các Hợp đồng tín dụng số 3481280.22 ngày 23/02/2022 ; Hợp đồng tín dụng số 3012176.22 ngày 25/5/2022; Hợp đồng mở thẻ tín dụng ngày 25/5/2024 được ký kết giữa bà Phạm Thị H1 và đại diện của V2 là hợp đồng được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng vay VIB đã giải ngân số tiền 1.058.753.358 đồng và bà Phạm Thị H1 đã ký giấy nhận nợ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà H1 vi phạm, V2 đã đôn đốc và có văn bản làm việc với bà H1, bà H1 đã xin khất nợ, sự thừa nhận của nguyên đơn và bị đơn về số tiền vay là đúng, nó thuộc trường hợp không phải chứng minh, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án công nhận đó là sự thật. Trong quá trình vay, bà H1 mới thanh toán trả cho VIB số tiền nợ gốc và nợ lãi thông thường là 186.281.094 đồng, do vi phạm nghĩa vụ nên toàn bộ khoản vay trên chuyển sang nợ quá hạn. Sau khi phát sinh nợ quá hạn VIB đã nhiều lần đôn đốc tạo điều kiện cho bà H1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, nhưng bà H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Như vậy bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo nội dung đã thỏa thuận như trong hợp đồng, cụ thể là không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và nợ lãi đến hạn. Vì vậy, căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91, Điều 95 của luật Tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi của Ngân hàng TMCP Q,

[2.2] Về nợ gốc; lãi và phí thẻ phải trả:

- Về nợ gốc: Sau khi các Hợp đồng tín dụng được ký kết thì bị đơn bà Phạm Thị H1 đã thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ gốc như đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã ký kết 23/2/2022 và Hợp đồng tín dụng và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ 25/5/2022. Riêng đối với Hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán ngày 25/5/2022 thì bị đơn đã trả được 6.297.653 đồng. Vì vậy việc ngân hàng yêu cầu bị đơn phải trả cho ngân hàng số tiền Nợ gốc là: 593.058.704 đồng đối với hợp đồng tín dụng ngày 23/2/2022; Nợ gốc 324.614.276 đồng đối với hợp đồng tín dụng ký ngày 25/5/2022 và số tiền 33.455.705 đồng tại thẻ tín dụng là phù hợp với số tiền gốc đã vay, tiền gốc đã trả và phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận

- Về nợ lãi và phí thẻ tín dụng: Căn cứ vào các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán do các bên đã thỏa thuận, Hội đồng xét xử xét thấy kể ngày bà Phạm Thị H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến nay bị đơn bà Phạm Thị H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng mở thẻ tín dụng như đã ký kết.

Cụ thể tại Hợp đồng tín dụng số 3481280.22 ngày 23/02/2022 ; Lãi suất vay tại thời điểm giải ngân: 8,7% / Năm và lãi suất này ưu đãi trong 06 tháng đầu kể từ ngày giải ngân hết thời hạn ưu đãi, lãi suất được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,9%/ năm; 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn như vậy tổng số tiền lãi bị đơn bà Phạm thị h phải trả cho Ngân hàng tại Hợp đồng tín dụng ngày 23/2/2022 (tạm tính đến ngày 05/9/2024) là Lãi trong hạn 5.983.562 đồng; Lãi quá hạn: 180.762.064 đồng.

Tại Hợp đồng tín dụng số 3012176.22 ngày 25/05/2022; Lãi suất vay tại thời điểm giải ngân: 9,9% / năm và lãi xuất này ưu đãi trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân hết thời hạn ưu đãi, lãi suất được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 4,1%/ năm; 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn như vậy tổng số tiền lãi bị đơn bà Phạm thị h phải trả cho Ngân hàng tại Hợp đồng tín dụng ngày 25/5/2022 (tạm tính đến ngày 05/9/2024) là Lãi trong hạn 14.741.136 đồng; Lãi quá hạn 93.008.357 đồng.

Tại hợp đồng mở thẻ tín dụng thì lãi suất thẻ được tính Số tiền lãi= số dư nợ gốc tính lãi x lãi xuất (% năm) x số ngày tính lãi/ 365 ngày. Tam tính đến ngày 05/9/2024 nợ lãi đối với thẻ tín dụng: 21.543.111 đồng và phí thẻ: 48.151.620 đồng.

Do đó, ngoài việc phải trả tiền lãi trong hạn thì bị đơn bà Phạm thị H2 còn phải trả tiền lãi quá hạn tại các Hợp đồng tín dụng và phí thẻ tín dụng như các bên đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng mở thẻ tín dụng nên yêu cầu trả lãi trong hạn, lãi quá hạn và phí thẻ tín dụng của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 466; Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà Phạm Thị H1 phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 06/9/2024 đến khi trả hết nợ theo mức lãi mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng mở thẻ tín dụng.

[2.3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 23/2/2022 bà Phạm thị H2 đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng

đất số công chứng 113/2022, quyển số 10//TP/CC-SCC/HĐGD do phong công chứng số 01 công chứng ngày 23/02/2022 và văn bản cam kết ngày 24/02/2022 giữa V2 và chị Phạm Thị H1 để thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 451, tờ bản đồ số 26, địa chỉ:Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ 431438, Số vào sổ cấp GCN: CS 00121/CĐ/ TB do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp ngày 31/12/2021 đứng tên chị Phạm Thị H1.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nhận thấy: Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa chủ tài sản bà Phạm Thị H1 với đại diện V2 là hoàn toàn tự nguyện; về hình thức và nội dung của hợp động thế chấp đều đảm bảo đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật và được công chứng tại Phòng công chứng được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp cho đến nay tài sản của Phạm Thị H1 vẫn giữ nguyên hiện trạng như khi thế chấp các mốc giới không có gì thay đổi so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy Hợp đồng thế chấp tài sản trên được hiện theo đúng quy định tại Điều 298 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 167 luật đất đai năm 2013; Điều 9; Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ Khoản 1 Điều 168 Luật Đất đai năm 2013 quy định *" Người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, tặng cho, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất khi có Giấy chứng nhận"*, chị Phạm Thị H1 được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh N quyền sử dụng tại thửa đất thửa đất số 451, tờ bản đồ số 26, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ 431438, Số vào sổ cấp GCN: CS 00121/CĐ/ TB như vậy đây là quyền hợp pháp của bà Phạm Thị H1 nên Ngân hàng đã nhận thế chấp thửa đất số 451 và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm cho việc vay nợ tại Ngân hàng. Như vậy bà H1 đã dùng tài sản của bà là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 451 để thế chấp Ngân hàng nhằm đảm bảo cho số tiền bà H1 được ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Phạm Thị H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng V2 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp đứng tên chủ sử dụng Phạm Thị H1 để thu hồi nợ là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với Điều 299; Điều 303; Điều 317, Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 321; Điều 322;

Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V2, bà Phạm Thị H1 vẫn phải tiếp tục trả hết các khoản nợ cho ngân hàng V2 như đã thỏa thuận. Căn cứ quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự và sự thỏa thuận của các bện đương sự trong quá trình ký kết Hợp đồng nên yêu cầu nàycủa Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận

[5] Về chi phí giám định: Nguyên đơn không yêu cầu chi phí thẩm định.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn là Phạm Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 1.315.318.535đ là: [36.000.000đ + (3% x 515.318.535đ = 15.459.556đ)] = 51.459.556 đồng. Làm tròn: 51.459.000đồng. (năm mươi mốt triệu, bốn trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Ngân hàng TMCP Q không phải nộp án phí và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên*;*

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92; Điều 147; Điều 155, Điều 156; Điều 158Khoản 3 Điều 228; của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 280; Điều 299; Điều 303; Điều 317, Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 321; Điều 322; Điều 463; Điều 466; Điều 500; Điều 502 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 91 và điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2012; Điều 167 Luật đất đai năm 2013

Khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q:

1.- Buộc bà Phạm Thị H1 phải thanh toán trả toàn bộ số tiền còn nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 05/9/2024 đối với Hợp đồng tín dụng số 3481280.22 ngày

23/02/2022 là **779.804.330 đồng**, bao gồm:Nợ gốc là: 593.058.704 đồng;Nợ lãi trong hạn là: 5.983.562 đồng. Lãi quá hạn 180.762.064 đồng; Kể từ ngày 06/9/2024 cho đến khi thi hành xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3481280.22 ngày 23/02/2022 ;

- Buộc bà Phạm Thị H1 phải thanh toán trả toàn bộ số tiền còn nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 05/9/2024 đối với Hợp đồng tín dụng số 3012176.22 ngày 25/5/2022 là **432.363.769 đồng**, bao gồm:Nợ gốc là: 324.614.276 đồng;Nợ lãi trong hạn là: 14.741.136 đồng. Lãi quá hạn 93.008.357 đồng; Kể từ ngày 06/9/2024 cho đến khi thi hành xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3012176.22 ngày 25/5/2022;

- Buộc bà Phạm Thị H1 phải thanh toán trả toàn bộ số tiền còn nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 05/9/2024 đối với Hợp đồng mở thẻ tín dụng ngày 25/5/2022 là **103.150.436 đồng**, bao gồm:Nợ gốc là: 33.455.705 đồng;Nợ lãi trong hạn là: 21.543.111 đồng; Nợ phí: 48.151.620 đồng; Kể từ ngày 06/9/2024 cho đến khi thi hành xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng mở thẻ tín dụng ngày 25/5/2022.

2. Về xử lý tài sản thế chấp:

- Ngân hàng TMCP Q được quyền tiếp tục quản lý các giấy tờ xác lập quyền sở hữu sử dụng tài sản thế chấp.

- Sau khi bà Phạm Thị H1 thi hành xong số tiền phải trả, thì Ngân hàng TMCP Q có trách nhiệm giải chấp cho bà Phạm Thị H1 toàn bộ các giấy tờ gốc liên quan đến tài sản thế chấp.

- Trường hợp nếu bà Phạm Thị H1, không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu, đề nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp của bà Phạm Thị H1 để thu hồi nợ cụ thể:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 451, tờ bản đồ số 26, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ 431438, Số vào sổ cấp GCN: CS 00121/CĐ/TB do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp ngày 31/12/2021 đứng tên chị Phạm Thị H1 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 113/2022, quyển số 10//TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/02/2022 và văn bản cam kết ngày 24/02/2022 giữa V2 và chị Phạm Thị

H1 để thế chấp tài sản

Trong trường hợp số tiền phát mại, thu hồi tài sản đảm bảo vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì bà Phạm Thị H1 còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền còn thiếu cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị H1 phải nộp số tiền là: 51.459.000đồng. (Năm mươi mốt triệu, bốn trăm năm mươi chín nghìn đồng).

- Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Q số tiền là 21.668.000 đồng (Hai mươi mốt triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng), Ngân hàng TMCP Q đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001229 ngày 11 tháng 4 năm 2024.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6 Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND H. Nho Quan;
- Chi cục Thi hành án H.NQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lâm Thị Thanh Nhàn

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lâm Thị Thanh N1